

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2076/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 27 phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-STNMT ngày 24 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 27 phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan xác định giá khởi điểm, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai lập thủ tục lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Tiến, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Q.Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



PHƯƠNG AN

**Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 197 tờ bản đồ địa chính số 27
phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
*(Kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành

Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý.

II. THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích và nguồn gốc thửa đất

a) Vị trí

Thửa đất số 197 tờ bản đồ địa chính số 27 phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có vị trí như sau:

- Phía Đông tiếp giáp đường Lê A;
- Phía Tây và Nam tiếp giáp khu dân cư hiện hữu;
- Phía Bắc tiếp giáp đường Nguyễn Ái Quốc.

b) Diện tích

Tổng diện tích thửa đất là: 487,5 m². Trong đó:

- Diện tích đất đấu giá: 418,6 m² đất ở tại đô thị;
- Diện tích không đấu giá: 68,9 m², thuộc quy hoạch đất giao thông, người trúng đấu giá có trách nhiệm quản lý, không được xây dựng công trình kiên cố; không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), bàn giao lại cho Nhà nước khi thực hiện dự án theo quy định (không bồi thường, hỗ trợ về đất).

Vị trí, diện tích, ranh giới, hình thể thửa đất được xác định theo Tờ trích

lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất số 251/2024, tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác lập ngày 30 tháng 01 năm 2024.

c) Nguồn gốc

Khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thu hồi của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý (tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND và Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

2. Hiện trạng, hạ tầng kỹ thuật

Hiện trạng thửa đất là đất trống, không có tài sản gắn liền với đất.

Trên thửa đất chưa có hạ tầng kỹ thuật. Về hạ tầng kỹ thuật kết nối tại khu vực, thửa đất tiếp giáp và kết nối với đường Nguyễn Ái Quốc và đường Lê A.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng

a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất: Theo hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Biên Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, vị trí thửa đất có chức năng quy hoạch đất ở tại đô thị và đất giao thông;

- Kế hoạch sử dụng đất: Thửa đất nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Biên Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

b) Quy hoạch xây dựng

Theo hồ sơ quy hoạch tỷ lệ 1/2.000 phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thì vị trí thửa đất có chức năng quy hoạch là đất ở hiện hữu, diện tích 418,6 m² còn lại là đất giao thông, diện tích 68,9 m².

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất

a) Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị

b) Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

2. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá

Khoảng 03 tháng khi phương án này được ban hành.

3. Đối tượng được và không được tham gia đấu giá

a) Đối tượng được tham gia đấu giá

(1) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013; Phải nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị thửa đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất;

(2) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của tổ chức thực hiện cuộc đấu giá, trong đó có nội dung cam kết: Sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sau khi trúng đấu giá;

(3) Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá quyền sử dụng đất;

(4) Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia đấu giá.

b) Đối tượng không được tham gia đấu giá

Người không được tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, cụ thể gồm các đối tượng sau:

(1) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

(2) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản.

(3) Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

(4) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

(5) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

4. Nguyên tắc, hình thức và phương thức đấu giá

a) Nguyên tắc đấu giá

Việc đấu giá được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng giữa những người tham gia đấu giá, bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

b) Hình thức đấu giá:

Cuộc đấu giá được tổ chức khi có từ 02 (hai) người trở lên đăng ký tham gia đấu giá, theo hình thức và số vòng đấu giá như sau:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.
- Số vòng đấu giá: tối đa 03 vòng.

c) Phương thức bán đấu giá:

Phương thức đấu giá theo phương thức trả giá lên.

5. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện đấu giá

a) Chi phí

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

Kinh phí và chi phí nêu trên được thanh toán theo chi phí thực tế, hợp lý cho việc đấu giá (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp) và theo hợp đồng ký kết với đơn vị tổ chức cuộc đấu giá.

b) Thu tiền bán hồ sơ, tiền đặt trước

- Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá và việc xử lý phí mua hồ sơ tham gia đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

- Tiền đặt trước: Phải nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị thửa đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất. Việc nộp và xử lý tiền đặt trước thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP.

c) Bước giá

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016: “*Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên. Bước giá do người có tài sản đấu giá quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đấu giá tài sản đối với từng cuộc đấu giá*”, bước giá được xác định cụ thể như sau:

STT	Giá khởi điểm đấu giá khu đất	Bước giá tính theo tỷ lệ % giá khởi điểm
(1)	(2)	(3)

STT	Giá khởi điểm đấu giá khu đất	Bước giá tính theo tỷ lệ % giá khởi điểm
(1)	(2)	(3)
1	Dưới 2 tỷ đồng	10%
2	Từ 2 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng	09%
3	Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng	08%
4	Từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	07%
5	Từ 20 tỷ đồng đến dưới 40 tỷ đồng	06%
6	Từ 40 tỷ đồng đến dưới 70 tỷ đồng	05%
7	Từ 70 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	04%
8	Từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng	03%
9	Từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	02%
10	Từ 500 tỷ đồng trở lên	01%

6. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá

a) Giá khởi điểm

Giá khởi điểm của thửa đất để làm căn cứ đấu giá sẽ được đơn vị tư vấn xác định giá cụ thể và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt. Trong Phương án này, tạm tính giá khởi điểm dựa theo Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

- Diện tích đất đấu giá: 418,6 m²;

- Vị trí đất: Theo Tờ trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất số 251/2024 thì thửa đất thuộc vị trí 1, đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ đầu Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai đến ngã 4 Tân Phong và đường Lê A;

- Giá đất theo Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2024, đất ở tại đô thị, vị trí 1, đường Nguyễn Ái Quốc - Đoạn từ đầu Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai đến ngã tư Tân Phong là 30.000.000 đồng/m²;

- Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp, phi nông nghiệp năm 2024 là 1,0. Thửa đất trên tiếp giáp 02 mặt tiền đường Nguyễn Ái Quốc và đường Lê A nên hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10%¹.

Ước tính giá trị thửa đất như sau:

$$418,6 \text{ m}^2 * 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 * 1,1 = \mathbf{13.813.800.000 \text{ đồng.}}$$

¹ Theo khoản 2 Điều 2 Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định: “2. Đối với trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ hai (02) mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất), thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất tại khoản 1 điều này”

b) Tổng chi phí dự kiến

STT	Nội dung thực hiện	Dự kiến chi phí (đồng)
(1)	(2)	(3)
1	Chi phí đo đạc, thu hồi khu đất	10.000.000
2	Chi phí quản lý đất	30.000.000
3	Thuê đơn vị tổ chức cuộc đấu giá ²	40.910.000
4	Chi phí khác	50.000.000
Tổng cộng:		130.910.000

c) Dự kiến số tiền nộp ngân sách

Theo ước tính giá trị thửa đất đấu giá theo bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất tại điểm a khoản 6 và chi phí dự kiến tại điểm b khoản 6, mục III của Phương án này thì ước số tiền còn lại nộp ngân sách dự kiến là: **13.682.890.000 đồng**.

(Số tiền nộp ngân sách cụ thể sẽ căn cứ kết quả đấu giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, sau khi trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ có liên quan, tất cả số tiền còn lại thực hiện nộp ngân sách nhà nước).

d) Nộp tiền trúng đấu giá

Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền theo đúng thời hạn ghi trên Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế.

7. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá

Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai là đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

8. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thực hiện các trình tự, thủ tục thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Trong đó, phải thông báo Tiêu chí cụ thể và số điểm chấm của mục V Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

² Chi phí được tính toán dự kiến theo quy định tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thu lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản thì mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá tài sản cho giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng là: 40,91triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm, mức thù lao tối đa tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm không vượt quá 400 triệu đồng/01 hợp đồng

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai căn cứ các tiêu chí tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP để chấm điểm, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

9. Thông báo công khai thông tin đấu giá quyền sử dụng đất

Thực hiện nghiêm yết việc thông báo đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 35 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

Thực hiện công khai thông báo đấu giá quyền sử dụng đất khu đất theo Điều 57 Luật đấu giá tài sản năm 2016. Trong đó, thông báo công khai thông tin đấu giá quyền sử dụng đất ít nhất 02 lần trên báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc Báo Đồng Nai và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản.

10. Giám sát thực hiện cuộc đấu giá

Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện cuộc đấu giá đúng với trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và nội dung cụ thể tại hợp đồng thuê thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm cử đại diện tham dự, giám sát việc thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất phối hợp với đơn vị thực hiện cuộc đấu giá mời đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa và đại diện các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tham dự, giám sát thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

11. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

a) Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

- Yêu cầu người có tài sản đấu giá trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật;
- Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

- Ký biên bản đấu giá tài sản;
- Nộp đầy đủ tiền trúng đấu giá theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế;

- Quản lý phần diện tích không đấu giá: 68,9 m² nằm trong quy hoạch đất giao thông, không được xây dựng công trình kiên cố; không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và bàn giao lại cho Nhà nước khi thực hiện dự án theo quy định;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

12. Xử lý người vi phạm

a) Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước và khoản tiền này được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, cụ thể như sau:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

b) Người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong vòng 120 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá thì Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất và người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP;

c) Ngoài các quy định xử lý vi phạm được quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Trường hợp người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm làm ảnh hưởng tới việc tổ chức đấu giá sẽ bị xử lý theo các quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

13. Phê duyệt kết quả đấu giá

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và biên bản kết quả thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất từ đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá

quyền sử dụng đất lập hồ sơ gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

14. Nộp tiền sử dụng đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người trúng đấu giá.

Trong thời gian 120 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã nộp tiền cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

15. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá

Sau khi đã nhận được chứng từ nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất của người trúng đấu giá, cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

16. Hủy kết quả đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá

a) Kết quả đấu giá bị hủy trong các trường hợp được quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

b) Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ;

c) Việc hủy kết quả đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá sẽ bị xử lý vi phạm theo khoản 12 Mục III phương án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành phương án đấu giá, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất thừa đất;

b) Lập thủ tục thuê tư vấn xác định giá khởi điểm đấu giá, trình Hội đồng thẩm định giá của tỉnh thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt giá khởi điểm;

c) Lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (nếu có);

d) Cử đại diện tham dự, giám sát cuộc đấu giá quyền sử dụng đất;

đ) Thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Kiểm tra việc sử dụng đất của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch, đúng tiến độ hoặc phương án sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định giá khởi điểm làm cơ sở cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, quyết định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

b) Cử đại diện tham dự, giám sát các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu, nộp, sử dụng tiền thu được từ hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định; phối hợp xử lý số tiền người trúng đấu giá đã nộp khi bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (nếu có).

3. Sở Xây dựng

a) Cử đại diện tham dự cuộc đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Hướng dẫn người trúng đấu giá lập các thủ tục liên quan lĩnh vực của Luật Xây dựng;

c) Tổ chức kiểm tra, quản lý trật tự xây dựng công trình theo thẩm quyền.

4. Sở Tư pháp

Cử đại diện tham dự, giám sát cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

5. Cục Thuế

a) Cử đại diện tham dự, giám sát cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Xác định nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo thuế đến người trúng đấu giá theo quy định;

c) Xác định số tiền phạt chậm nộp thuế theo quy định và gửi thông báo đến người trúng đấu giá (nếu có).

6. Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa

a) Thông báo công khai về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương trên hệ thống truyền thanh và các hình thức khác trên địa bàn;

b) Cử đại diện tham dự, giám sát cuộc đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện; phối hợp bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá;

c) Kiểm tra việc xây dựng công trình của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch hoặc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai

a) Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương án được ban hành.

b) Có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá và thực hiện bàn giao mặt bằng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.